

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2017 (ĐỢT 2)

Trường Đại học Cần Thơ trân trọng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2017 (đợt 2) với các nội dung như sau:

I. NGÀNH THI TUYỂN VÀ MÔN THI TUYỂN

| T T | Tên ngành | Mã ngành | Chỉ tiêu dự kiến | Môn thi | | |
|--------|--|----------|------------------------|---------------|---|---------------------------------------|
| | | | | Cơ bản | Cơ sở | Ngoại ngữ (Nghe, nói, đọc viết) |
| 1 | Bảo vệ thực vật (V) | 60620112 | 20 | Toán thống kê | Sinh lý thực vật | Anh văn |
| 2 | Chăn nuôi (V) | 60620105 | 20 | Toán thống kê | Sinh lý động vật | Anh văn |
| 3 | Công nghệ sau thu hoạch (V) | 60540104 | 10 | Toán thống kê | Công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch | Anh văn |
| 4 | Công nghệ sinh học (IV) | 60420201 | 10 | Toán thống kê | Sinh học đại cương | Anh văn |
| 5 | Công nghệ thực phẩm (V) | 60540101 | 30 | Toán thống kê | Hóa sinh công nghiệp | Anh văn |
| 6 | Di truyền và chọn giống cây trồng (V) | 60620111 | 10 | Toán thống kê | Di truyền đại cương | Anh văn |
| 7 | Hệ thống nông nghiệp (V) | 60620118 | 20 | Toán thống kê | Hệ thống canh tác | Anh văn |
| 8 | Hệ thống thông tin (V) | 60480104 | 50 | Toán rời rạc | Cấu trúc dữ liệu và cơ sở dữ liệu | Anh văn |
| 9 | Hóa hữu cơ (IV) | 60440114 | 09 | Toán cao cấp | Hóa hữu cơ | Anh văn |
| 10 | Hóa lý thuyết và hoá lý (IV) | 60440119 | 10 | Toán cao cấp | Cơ sở lý thuyết hóa | Anh văn |
| 11 | Khoa học cây trồng (V) | 60620110 | 30 | Toán thống kê | Sinh lý thực vật | Anh văn |
| 12 | Khoa học đất (V) | 60620103 | 10 | Toán thống kê | Thổ nhưỡng | Anh văn |
| 13 | Khoa học máy tính (V) | 60480101 | 20 | Toán rời rạc | Tin học cơ sở | Anh văn |
| 14 | Khoa học môi trường (IV) | 60440301 | 10 | Toán thống kê | Sinh thái học cơ bản | Anh văn |
| 15 | Kinh tế học (VII) | 60310101 | 15 | Toán kinh tế | Kinh tế học | Anh văn |
| 16 | Kinh tế nông nghiệp (V) | 60620115 | 50 | Toán kinh tế | Kinh tế học | Anh văn |
| 17 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (V) | 60520216 | 30 | Toán kỹ thuật | Lý thuyết điều khiển tự động | Anh văn |
| 18 | Kỹ thuật điện (V) | 60520202 | 30 | Toán kỹ thuật | Cơ sở kỹ thuật điện | Anh văn |
| 19 | Kỹ thuật hóa học (V) | 60520301 | 20 | Toán cao cấp | Hóa lý kỹ thuật | Anh văn |

| | | | | | | |
|----|---|----------|----|--------------------------------|--|----------|
| 20 | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy (V) | 60580202 | 50 | Toán xây dựng | Thủy lực | Anh văn |
| 21 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (I) | 60140111 | 30 | Ngôn ngữ học | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh | Pháp văn |
| 22 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp (I) | 60140111 | 08 | Phân tích văn bản | Lý luận dạy học tiếng Pháp | Anh văn |
| 23 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn và tiếng Việt (I) | 60140111 | 15 | Lý luận văn học | Phương pháp dạy học ngữ văn | Anh văn |
| 24 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (I) | 60140111 | 15 | Giải tích (cơ sở) | Lý luận dạy học Toán | Anh văn |
| 25 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán học (V) | 60460106 | 30 | Giải tích | Xác suất thống kê | Anh văn |
| 26 | Nuôi trồng thủy sản (V) | 60620301 | 40 | Toán thống kê | Cơ sở và nguyên lý nuôi trồng thủy sản | Anh văn |
| 27 | Phát triển nông thôn (V) | 60620116 | 20 | Toán thống kê | Hệ thống canh tác | Anh văn |
| 28 | Quản lý đất đai (VII) | 60850103 | 12 | Toán thống kê | Trắc địa | Anh văn |
| 29 | Quản lý kinh tế (III) Ngành mới | 60340410 | 10 | Ứng dụng toán trong kinh doanh | Kinh tế học | Anh văn |
| 30 | Quản lý nguồn lợi thủy sản (V) | 60620305 | 30 | Toán thống kê | Tài nguyên thủy sinh vật | Anh văn |
| 31 | Quản lý tài nguyên và môi trường (VII) | 60850101 | 15 | Toán thống kê | Quản lý môi trường | Anh văn |
| 32 | Sinh thái học (IV) | 60420120 | 10 | Toán thống kê | Sinh học đại cương | Anh văn |
| 33 | Thú y (V) | 60640101 | 40 | Toán thống kê | Sinh lý bệnh thú y | Anh văn |
| 34 | Toán giải tích (V) | 60460102 | 30 | Giải tích | Đại số | Anh văn |
| 35 | Vật lý lý thuyết và vật lý toán (IV) | 60440103 | 15 | Phương trình toán lý | Cơ học lượng tử | Anh văn |
| 36 | Văn học Việt Nam (VII) | 60220121 | 15 | Văn học Việt Nam | Lý luận văn học (cơ sở) | Anh văn |

Lưu ý: *Chỉ tiêu tuyển sinh sẽ thay đổi tùy thuộc vào số lượng đăng ký dự thi và kết quả dự thi cụ thể của từng ngành.*

II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÀ KHU VỰC TUYỂN SINH

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

1. Về văn bằng, thí sinh đáp ứng 1 trong 2 điều kiện a, b (hoặc a hoặc b):

a) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;

b) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định;

Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần và học phần bổ sung kiến thức (Phụ lục đính kèm).

c) Trường hợp ngành tốt nghiệp đại học không có tên trong danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần của thông báo tuyển sinh do tốt nghiệp đại học của các năm trước không còn đúng tên với Danh mục cấp IV hiện tại của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì thí sinh vẫn được nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển nếu có nhu cầu và Hội đồng tuyển sinh Trường sẽ xét duyệt hồ sơ của từng trường hợp.

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Không yêu cầu kinh nghiệm chuyên môn.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khỏe để học tập; đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định, Hội đồng tuyển sinh Trường xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

6. Trường hợp thí sinh là học viên cao học của Trường Đại học Cần Thơ: Đối với học viên cao học đang học tại Trường Đại học Cần Thơ nếu muốn đăng ký dự tuyển đầu vào thạc sĩ ngành khác với ngành đang học thì phải làm đơn xin dự tuyển được Ban Giám hiệu đồng ý và bồi hoàn chi phí đào tạo 4.500.000 đ/học viên trước khi nộp hồ sơ dự tuyển. Trường hợp không trúng tuyển sẽ được học lại ngành cũ và nhận lại chi phí đào tạo đã bồi hoàn. Nếu học viên không làm thủ tục này hồ sơ xem như không hợp lệ và sẽ không được công nhận kết quả dự tuyển.

7. Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ.

III. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI NGOẠI NGỮ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục - Đào tạo triển khai ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

(Đính kèm Danh sách 10 đơn vị được tổ chức rà soát, thi, cấp giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ cấp độ 3/6-B1 và cấp độ 4/6-B2 tương đương 6 bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận được ban hành theo Thông báo số 1695/ĐHCT-KSDH ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Trường Đại học Cần Thơ).

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Hình thức đào tạo: Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Thời gian học tối đa: 4 năm.

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Chính sách ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản.

3. Thời gian nộp hồ sơ ưu tiên

Thí sinh nộp hồ sơ ưu tiên cùng với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);
2. Bảng điểm đại học (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
3. Bằng tốt nghiệp đại học (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
4. Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh);
5. Biên nhận hồ sơ đã điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu (01 bản chính theo mẫu);
6. Giấy khám sức khỏe (01 bản chính của bệnh viện đa khoa quận huyện trở lên, không quá 3 tháng);
7. Giấy khai sinh (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
8. Chứng minh nhân dân (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
9. Phiếu dán ảnh (dán kèm 3 ảnh 3x4 mới nhất, không quá 3 tháng);
10. Chứng chỉ miễn thi ngoại ngữ, nếu có (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
11. Hồ sơ xác nhận ưu tiên, nếu có (01 bộ hồ sơ có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
12. Bảng điểm bổ sung kiến thức đối với ngành gần (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
13. Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì A6);
14. Bằng tốt nghiệp đại học thứ hai, nếu có (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
15. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);

VII. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN, XÉT TUYỂN

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;
- Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;
- Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

VIII. ĐĂNG KÝ ÔN TẬP, THỜI GIAN ÔN TẬP VÀ LỆ PHÍ ÔN TẬP

- Thời gian **ghi danh đăng ký ôn tập** từ ngày ra thông báo đến **hết ngày 26/6/2017**.
- Thủ tục ghi danh đăng ký ôn tập: nộp phiếu đăng ký ôn tập theo mẫu.
- Thời gian ôn tập: dự kiến từ 03/7/2017 đến 08/8/2017 (*thời khóa biểu xem tại website Khoa Sau đại học từ ngày 30/6/2017*).
- Lệ phí ôn tập: nộp tại Trung tâm Bồi dưỡng Chuyên môn Sau đại học, Khoa Sau đại học, Trường Đại học Cần Thơ.

4.1 Lớp ôn ngoài giờ (giảng dạy tối thứ 6 và cả ngày thứ 7 chủ nhật):

a) Trường hợp không miễn thi ngoại ngữ:

- Khối kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 6.531.525đ/thí sinh.
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy: 6.531.525đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện: 6.029.100đ/thí sinh.
- Lý luận và PPDH bộ môn Toán: 5.526.675đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 4.521.825đ/thí sinh.

b) Trường hợp miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp có chứng chỉ được miễn:

- Khối kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 4.019.400đ/thí sinh.
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy: 4.019.400đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện: 3.516.975đ/thí sinh.
- Lý luận và PPDH bộ môn Toán: 3.014.550đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 2.009.700đ/thí sinh.

4.2 Lớp ôn bình thường (giảng dạy từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần):

a) Trường hợp không miễn thi ngoại ngữ:

- Khối kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 4.354.350đ/thí sinh.
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy: 4.354.350đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện: 4.019.400đ/thí sinh.
- Lý luận và PPDH bộ môn Toán: 3.684.450đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 3.014.550đ/thí sinh.

b) Trường hợp miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp có chứng chỉ được miễn:

- Khối kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 2.679.600đ/thí sinh.
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy: 2.679.600đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện: 2.344.650đ/thí sinh.
- Lý luận và PPDH bộ môn Toán: 2.009.700đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 1.339.800đ/thí sinh.

IX. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN, LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI TUYỂN VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

1. Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **27/7/2017**.
 - Trường Đại học Cần Thơ nhận hồ sơ dự tuyển nộp đầy đủ và đúng thời hạn thông báo.
 - Hồ sơ và lệ phí đã nộp không hoàn trả lại.
2. Thời gian thi tuyển: **26/8/2017** và **27/8/2017**.
3. Thời gian dự kiến công bố kết quả tuyển sinh: 29/9/2017.
4. Thời gian dự kiến nhập học: 10/10/2017.
5. Đăng ký dự thi: 60.000đ/thí sinh/hồ sơ.
6. Dự thi thạc sĩ: 120.000đ/thí sinh/môn thi.
7. Lệ phí đăng ký dự thi và dự thi thạc sĩ nộp tại Phòng Tài vụ, Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2 Trường Đại học Cần Thơ.

X. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Hồ sơ đăng ký dự tuyển và mọi chi tiết khác có liên quan xin liên hệ:

Khoa Sau đại học - Trường Đại học Cần Thơ

Công B, Khu II đường 3 tháng 2 – Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại: 0292.3734401 hoặc 0292. 3734402.

Website: <http://gs.ctu.edu.vn>

Ghi chú: Khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, thí sinh vui lòng xem kỹ điều kiện được dự thi theo thông báo tuyển sinh của Trường. Hồ sơ dự thi nếu không được Hội đồng Tuyển sinh của Trường xét duyệt sẽ không hoàn trả lệ phí và hồ sơ đã nộp.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Website Trường;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, KSDH, PKHTH.

HIỆU TRƯỞNG 

Hà Thanh Toàn

Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

| Cấp độ (CEFR) | IELTS | TOEFL | TOEIC (4 kỹ năng) | Cambridge Exam | BEC | BULATS | Khung Châu Âu |
|----------------------|-------|---------------------------------|-------------------------|--------------------|-------------------------|--------|---------------------|
| 3/6 (Khung VN) | 4.5 | 450 PBT 133 CBT 45 iBT | 450 | Preliminary PET | Business Preliminary | 40 | B1 |

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

| Cấp độ (CEFR) | tiếng Nga | tiếng Pháp | tiếng Đức | tiếng Trung | tiếng Nhật |
|----------------------|-----------|------------------------|-----------|-----------------|---------------|
| 3/6 (Khung VN) | TRKI 1 | DELFB1 TCF niveau 3 | B1 ZD | HSK cấp độ 3 | JLPT N4 |

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

